TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/HSST
Ngày 26/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP – TỈNH NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Đang;

Ông Lê Thanh Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa****:* ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2023/TLST - HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo: Trần Thị Y sinh ngày 05/5/1989; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn O con bà Phạm Thị M chồng: Nguyễn Thái D(đã ly hôn), con có 01 con, sinh năm 2018; hiện nay bị cáo đang mang thai (theo kết quả siêu âm ngày 30/10/2023 của trung tâm Y tế Tam Điệp; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo hiện đang chấp hành lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Toà án nhân dân thành phố Tam Điệp (bị cáo có mặt tại phiên toà).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Xuân L sinh năm 1991, nơi cư trú: thôn H, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

2. Anh Phạm Sơn A sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

3. Chị Phạm Thị T sinh năm 1978, nơi cư trú: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau: Trần Thị Y tự đứng ra cho vay lãi nặng nhằm mục đích thu lời bất chính. Trong khoảng thời gian từ ngày 28/4/2022 đến ngày 17/7/2023, Y cho anh Nguyễn Xuân L, anh Phạm Sơn A, chị Phạm Thị T vay tổng số tiền 112.000.000 đồng, với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính với tổng số tiền 101.269.945 đồng, cụ thể như sau:

+ Đối với khoản Trần Thị Y cho anh Nguyễn Văn L vay: ngày 28/6/2021, anh Nguyễn Văn L đến nhà gặp Trần Thị Y hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng.Y đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày, không quy định về thời hạn trả tiền gốc, thời hạn trả lãi vào ngày 28 hàng tháng (1 tháng được tính là 30 ngày), anh L đồng ý. Thỏa thuận xong, Y đưa cho anh L tờ mẫu hợp đồng vay tiền (Y chuẩn bị từ trước), anh L ghi ngày tháng năm tên người vay, số tiền vay theo thỏa thuận nhưng không ghi mức lãi suất, ký tên người vay rồi đưa hợp đồng cho Y. Y cầm hợp đồng vay tiền rồi đưa cho anh L số tiền 20.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 28/7/2021, anh L chuyển khoản trả lãi cho Y 1.800.000 đồng; các tháng 8/2021 đến tháng 3/2022, anh L trả lãi bằng tiền mặt cho Y mỗi tháng 1.800.000 đồng. Ngày 28/4/2022, anh L tiếp tục đến nhà Y vay thêm số tiền 20.000.000 đồng với cùng thỏa thuận như trên. Anh L ghi ngày tháng năm tên người vay, số tiền vay theo thỏa thuận nhưng không ghi mức lãi suất, ký tên người vay vào tờ mẫu hợp đồng đối với khoản vay mới và đưa cho Y và nhận của Y 20.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện 2 hợp đồng vay trên, ngày 10/5/2022, anh L chuyển khoản 3.600.000 đồng trả lãi cho Y gồm (1.800.000 đồng tiền lãi tháng 4/2022 của khoản vay ngày 28/6/2021 và 1.800.000 đồng tiền lãi tháng 5 của khoản vay ngày 28/4/2022); ngày 13/5/2022, anh L chuyển khoản 20.950.000 đồng để trả tiền gốc (20.000.000 đồng), tiền lãi (900.000 đồng) tính đến ngày 13/5/2022 của khoản vay ngày 28/6/2021 và 50.000 tiền nợ. Ngày 08/6/2022, anh L chuyển khoản 1.800.000 đồng trả tiền lãi tháng 6; ngày 6/8/2022, anh L chuyển khoản 3.600.000 đồng trả tiền lãi tháng 7 và tháng 8. Ngày 16/9/2022, anh L tiếp tục để vay thêm 20.000.000 đồng với cùng thỏa thuận như trên. Anh L ghi ngày tháng năm tên người vay, số tiền vay theo thỏa thuận nhưng không ghi mức lãi suất vào tờ mẫu hợp đồng đối với khoản vay mới này đưa cho Y sau đó Y chuyển khoản cho anh L 18.200.000 đồng tiền vay (Ykhấu trừ số tiền 1.800.000 đồng là tiền lãi tháng 9/2022 của khoản vay ngày 28/4/2022). Trong quá trình thực hiện 2 hợp đồng vay trên, ngày 10/10/2022, anh L chuyển khoản 1.000.000 đồng

và ngày 14/10/2022, anh L chuyển khoản 2.600.000 đồng trả tiền lãi tháng 10 đối với 2 khoản vay trên. Ngày 7/11/2022, 14/12/2022, 02/2/2023, 07/3/2023 L chuyển khoản mỗi lần 1.800.000 đồng trả tiền lãi các tháng 11, 12, 02, 03 của khoản vay ngày 16/9/2022. Như vậy tổng số tiền lãi của khoản vay ngày 28/6/2021 Y đã thu được của anh L là 18.900.000 đồng; Tổng tiền lãi của khoản vay 28/4/2022 Yđã thu được của anh L là 10.800.000 đồng; Tổng số tiền lãi của khoản vay ngày 16/9/2022 Y đã thu được của anh L là 9.000.000 đồng; Ngày 25/11/2023 anh L đã trả tổng số 40.000.000 đồng tiền gốc đối với khoản vay ngày 28/4/2022 và khoản vay ngày 16/9/2022.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng ngày 28/6/2021 đến ngày 13/5/2022, anh L đã trả toàn bộ tiền lãi là 18.900.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền gốc. Y thu được tổng số tiền lãi theo thỏa thuận là 18.900.000 đồng. Tính đến ngày 17/7/2023 (ngày Cơ quan điều tra phát hiện) đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng ngày 28/4/2022 và khoản vay 20.000.000 đồng ngày 16/9/2022. Tính đến ngày 17/7/2023 (ngày Cơ quan điều tra phát hiện): Số tiền lãi theo thỏa thuận; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự; T nhằm thu lời bất chính và tiền thực tế thu lời bất chính của Y là:

- Số tiền lãi theo thỏa thuận:

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày 28/4/2022 đến ngày 17/7/2023 theo thỏa thuận là 14 tháng 19 ngày = 439 ngày. Được tính 20.000.000 đồng x 439 ngày : 1.000.000 đồng x 3.000 đồng = 26.340.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày 16/9/2022 đến ngày 17/7/2023 theo thỏa thuận là 10 tháng 01 ngày = 301 ngày là: 20.000.000 đồng x 301 ngày: 1.000.000 đồng x 3.000 đồng = 18.060.000 đồng.

- Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự:

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày 28/4/2022 đến ngày 17/7/2023 theo ngày thực tế là 445 ngày là 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 445 ngày = 4.876.712 đồng.

Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự thực tế bị cáo Y được phép thu đối với khoản vay trên từ ngày 28/4/2022 đến ngày 28/10/2022 (theo ngày thực tế là 183 ngày) là 20.000.000 đồng x 20%: 365 ngày x 183 ngày = 2.005.479 đồng.

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày 16/9/2022 đến ngày 17/7/2023 theo ngày thực tế là 304 ngày là 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 304 ngày = 3.331.507 đồng.

Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự thực tế bị cáo Y được phép thu được đối với khoản vay này từ ngày 16/9/2022 đến ngày 16/12/2022 và từ ngày 16/01/2023 đến ngày 16/3/2023 (theo ngày thực tế là 150 ngày) là 20.000.000 đồng x 20%: 365 ngày x 150 ngày = 1.643.835 đồng.

- Số tiền lãi Y nhằm thu lợi bất chính:

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng tính từ ngày 28/4/2022 đến ngày 17/7/2023 là 26.340.000 đồng - 4.876.712 đồng = 21.463.288 đồng.

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng tính từ ngày 16/9/2022 đến ngày 17/7/2023 là 18.060.000 đồng – 3.331.507 đồng = 14.728.493 đồng.

- Số tiền lãi thực tế Y đã thu lời bất chính:

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng tính từ ngày 28/4/2022 đến ngày 17/7/2023 là 10.800.000 đồng - 2.005.479 đồng = 8.794.521 đồng

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng tính từ ngày 16/9/2022 đến ngày 17/7/2023 là 9.000.000 đồng - 1.643.835 đồng = 7.356.165 đồng

Tổng số tiền Trần Thị Y nhằm thu lời bất chính của khoản vay ngày 28/4/2022 và ngày 16/9/2022 tính đến ngày 17/7/2023 là: 21.463.288 đồng + 14.728.493 đồng = 36.191.781 đồng; Tổng số tiền thực tế đã thu lời bất chính là 8.794.521 đồng + 7.356.165 đồng = 16.150.686 đồng.

Đối với khoản Trần Thị Y cho anh Phạm Sơn A vay: ngày 04/4/2022, anh Phạm Sơn A đến nhà gặp Trần Thị Y hỏi vay 20.000.000 đồng. Y đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, không quy định về thời hạn trả tiền gốc, thời hạn trả lãi vào ngày 04 hàng tháng (1 tháng được tính là 30 ngày), anh Sơn A đồng ý. Thỏa thuận xong, Y đưa cho anh Sơn A 20.000.000 đồng (không yêu cầu anh Sơn A làm hợp đồng vay tiền). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 04/5/2022, ngày 07/9/2022, ngày 07/10/2022, ngày 08/11/2022, ngày 09/12/2022, ngày 06/2/2022, ngày 05/3/2022, ngày 05/7/2022 anh Sơn A chuyển khoản mỗi lần 1.800.000 đồng trả lãi các tháng 5/2022, tháng 9/2022, tháng 10/2022, tháng 11/2022, tháng 12/2022 tháng 2/2023, tháng 3/2023, tháng 7/2023; Ngoài ra anh Sơn A còn trả lãi bằng tiền mặt các tháng 6/2022; 7/2022; 8/2022; 1/2023; 4/2023 mỗi tháng 1.800.000 đồng cho Y. Tính đến ngày 17/7/2023 là ngày bị Cơ quan Công an phát hiện anh Phạm Sơn A đã trả được 13 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 23.400.000 đồng (từ ngày 4/4/2022 đến ngày 4/4/2023 và từ ngày 4/6/2023 đến 4/7/2023). Tính đến ngày 17/7/2023, anh Sơn A chưa trả tiền gốc và tiền lãi còn lại là 2 tháng 13 ngày.

Đối với khoản vay trên, tính đến ngày 17/7/2023 (ngày Cơ quan điều tra phát hiện): Số tiền lãi theo thỏa thuận; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự; tiền nhằm thu lời bất chính và tiền thực tế thu lời bất chính của là:

- Số tiền lãi theo thỏa thuận: Tính đến ngày 17/7/2023 là 15 tháng 13 ngày = 463 ngày là: 20.000.000 đồng x 463 ngày : 1.000.000 đồng x 3.000 đồng = 27.780.000 đồng.

- Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự: Tính đến ngày 17/7/2023 theo ngày thực tế là 469 ngày là: 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 469 ngày = 5.139.726 đồng.

Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự thực tế Y được phép thu đối với khoản vay này từ ngày 4/4/2022 đến ngày 4/4/2023 và từ ngày 4/6/2023 đến ngày 4/7/2023 (theo ngày thực tế là 395 ngày) là 20.000.000 đồng x 20%: 365 ngày x 395 ngày = 4.328.767 đồng.

- Số tiền lãi nhằm thu lợi bất chính là: 27.780.000 đồng - 5.139.726 đồng = 22.640.274 đồng.

- Số tiền lãi thực tế Y đã thu lời bất chính của anh Sơn A là 23.400.000 đồng - 4.328.767 đồng = 19.071.233 đồng.

Đối với khoản mà Trần Thị Y cho chị Phạm Thị T vay: do cần tiền lo việc cá nhân ngày 30/6/2022, chịPhạm Thị T đến nhà gặpTrần Thị Y hỏi vay 27.000.000 đồng. Y đồng ý và đưa ra mức lãi suất 3.000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, không quy định về thời hạn trả tiền gốc, thời hạn trả lãi vào ngày 30 hàng tháng (1 tháng được tính là 30 ngày), chị T đồng ý. Thỏa thuận xong, Y đưa cho chị T tờ mẫu hợp đồng vay tiền (Y chuẩn bị từ trước), chị T ghi ngày, tháng, năm tên người vay, số tiền vay theo thỏa thuận nhưng không ghi mức lãi xuất ký tên người vay rồi đưa hợp đồng cho Y. Y cầm hợp đồng vay tiền, sau đó đưa cho chị T số tiền 27.000.000 đồng. Đến ngày 30/9/2023, chị Tchưa trả tiền lãi của khoản vay này nhưng do cần tiền chi tiêu chị T lại đến nhà Y tiếp tục hỏi vay thêm 25.000.000 đồng cũng với mức lãi suất như trên, Y đồng ý và thống nhất với chị T gộp 2 khoản vay trên thành khoản vay mới với tổng số tiền là 52.000.000 đồng và trả lãi hàng tháng vào ngày 30 (đối với khoản vay 27.000.000 đồng ngày 30/6/2022 coi như đã kết thúc vào ngày 30/9/2022). Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã trả tổng số tiền lãi là 23.110 .000 đồng của khoản vay 52.000.000 đồng tính từ ngày 30/01/2023 đến ngày 30/6/2023. Cụ thể ngày 23/3/2023 trả lãi bằng tiền mặt 4.390.000 đồng và tháng 5/2023 trả lãi bằng tiền mặt 5.370.000 đồng; ngày 23/3/2023 chị T chuyển khoản cho Y 1.000.000 đồng, ngày 30/5/2023 chị T chuyển khoản cho Y 2.350.000 đồng, ngày 16/6/2023 và ngày 9/7/2023 chị T chuyển khoản cho Y mỗi lần 5.000.000 đồng. Tính đến ngày 17/7/2023, chị T chưa trả tiền lãi của khoản vay

27.000.000 đồng ngày 30/6/2023; chưa trả tiền tiền lãi 4 tháng 17 ngày của khoản vay 52.000.000 đồng. Ngày 25/11/2023 chị T đã trả 52.000.000 đồng tiền gốc.

Đối với 2 khoản vay trên, tính đến ngày 17/7/2023 (ngày Cơ quan điều tra phát hiện): Số tiền lãi theo thỏa thuận; tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự; T nhằm thu lời bất chính và tiền thực tế thu lời bất chính của Y là:

- Số tiền lãi theo thỏa thuận:

+ Đối với khoản vay 27.000.000 đồng từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/9/2022 theo thỏa thuận là 3 tháng = 90 ngày là: 27.000.000 đồng x 90 ngày : 1.000.000 đồng x 3.000 đồng = 7.290.000 đồng.

+ Đối với khoản vay 52.000.000 đồng từ ngày 30/9/2022 đến ngày 17/7/2023 theo thỏa thuận là 9 tháng 17 ngày = 287 ngày là 52.000.000 đồng x 287 ngày : 1.000.000 đồng x 3.000 đồng = 44.772.000 đồng.

- Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự:

+ Đối với khoản vay 27.000.000 đồng từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/9/2022 theo ngày thực tế là 92 ngày: 27.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 92 ngày = 1.361.096 đồng.

Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự thực tế T chưa thu được của chị T đối với khoản vay này.

+ Đối với khoản vay 52.000.000 đồng từ ngày 30/9/2022 đến ngày 17/7/2023 theo ngày thực tế là 290 ngày là 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 290 ngày = 8.263.014 đồng.

Tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự thực tế Y được phép thu đối với khoản vay này từ ngày 30/01/2023 đến ngày 30/6/2023 (theo ngày thực tế là 151 ngày) là 52.000.000 đồng x 20%: 365 ngày x 151 ngày = 4.302.466 đồng.

- Số tiền lãi nhằm thu lợi bất chính:

+ Đối với khoản vay 27.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/9/2022 là 7.290.000 đồng - 1.361.096 đồng = 5.928.904 đồng.

+ Đối với khoản vay 52.000.000 đồng tính từ ngày 30/9/2022 đến ngày 17/7/2023 là 44.772.000 đồng – 8.263.014 đồng = 36.508.986 đồng.

+ Tổng tiền lãi của 2 khoản vay Y nhằm thu lời bất chính là: 5.928.904 đồng + 36.508.986 đồng = 42.437.890 đồng.

- Số tiền lãi thực tế Y đã thu lời bất chính:

+ Đối với khoản vay 27.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/9/2022 Y chưa thu được của chị T

+ Đối với khoản vay 52.000.000 đồng tính từ ngày 30/9/2022 đến ngày 17/7/2023 là 23.110.000 đồng - 4.302.466 đồng = 18.807.534 đồng.

Số tiền Trần Thị Y nhằm thu lời bất chính của 2 khoản vay trên là : 5.928.904 đồng + 36.508.986 đồng = 42.437.890 đồng. Số tiền thực tế Yđã thu lời bất chính là 18.807.534 đồng.

Như vậy: tổng số tiền Trần Thị Y nhằm thu lợi bất chính từ việc cho anh L, anh Phạm Sơn A và chị Phạm Thị T vay là: 36.191.781 đồng + 22.640.274 đồng + 42.437.890 đồng = 101.269.945 đồng.

Ngày 17/7/2023 nhận được đơn tố giác của anh Nguyễn Xuân L, Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tậpTrần Thị Y đến Công an thành phố Tam Điệp làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Y đã khai nhận toàn bộ hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, có số IMEI 1: 359015636765583, IMEI 2: 359015636832391, bên trong tích hợp sim số 097269931 của Y sử dụng để liên lạc chuyển khoản tiền gốc và thanh toán tiền lãi cho anh L, anh Sơn A, chị T

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Y. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã thu giữ tại tủ đựng quần áo trong phòng ngủ của Y số tiền 5.210.000 đồng .

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trần Thị Y đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 92/CT– VKSTĐ ngày 27/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp đã truy tố bị can Trần Thị Y để xét xử về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 và khoản 3 Điều 201 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Y phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Y từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án 26/12/2023. Giao bị cáo Trần Thị Y cho Uỷ ban nhân dân xã Quang Sơn, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự

Truy thu số tiền 92.000.000 (Chín mươi hai triệu) đồng và số tiền lãi thu lời bất chính 12.280.547 đồng (Mười hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bẩy đồng). Tổng hai khoản là 104.280.547 đồng (Một trăm linh tư triệu, hai trăm tám mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bẩy đồng) của bị cáo Trần Thị Y để sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) của anh Phạm Sơn Ađể sung ngân sách Nhà nước.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, có số IMEI1: 35901536765583, IMEl 2: 359015636832391 bên trong tích hợp 01 Esim số 0972.699.313

Trả lại số tiền 5.210.000 đồng (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà Nước cho Trần Thị Y nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sau khi phạm tội rất ân hận về việc làm của mình nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Y đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: trong thời gian từ ngày 28/4/2022 đến ngày 17/7/2023, Trần Thị Y đã cho 03 người vay, với tổng số tiền 112.000.000 đồng (trong đó cho anh Nguyễn Xuân L vay số tiền 40.000.000 đồng, anh Phạm Sơn A vay số tiền 20.000.000 đồng, chị Phạm Thị T vay số tiền 52.000.000 đồng) với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính tổng số tiền 101.269.945 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng được pháp luật bảo vệ. Không những thế còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do cố ý. Do vậy hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Bản Cáo trạng số 92/CT– VKSTPTĐ ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp đã truy tố bị cáo Trần Thị Y với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đang mang thai nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt: hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng được pháp luật bảo vệ; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng hình phạt, bằng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng có thể giáo dục và cải tạo để bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo cho vay lãi nặng nhằm mục đích thu lợi bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

4.1. Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân L và chị Phạm Thị T đã trả cho bị cáo Trần Thị Y số tiền gốc đã vay cụ thể: anh L trả 40.000.000 đồng; chị T trả 52.000.000 đồng. Bị cáo Trần Thị Y đã nhận số tiền 92.000.000 đồng là tiền bị cáo dùng vào việc cho vay lãi nặng nên truy thu số tiền này để nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với anh Phạm Sơn A có vay 20.000.000 đồng của bị cáo Trần Thị Y quá trình điều tra anh Phạm Sơn A chưa trả cho bị cáo Y do đó cần truy thu buộc anh Phạm Sơn A phải nộp số tiền 20.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

4.2 Đối với số tiền lãi thu lời bất chính từ việc cho vay tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Trần Thị Y phải nộp: (cụ thể anh Nguyễn Xuân L số tiền lãi là 3.649.314 đồng; anh Phạm Sơn A số tiền lãi là 4.328.767 đồng; chị T số tiền lãi là 4.302.466 đồng). Tổng số tiền lãi cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước là 12.280.547 đồng.

4.3. Về số tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự bao gồm anh L là 16.150.686 đồng; Sơn A là 19.071.233 đồng; chị T là 18.807.534 đồng. Theo quy định của pháp luật bị cáo Trần Thị Y có trách nhiệm trả lại cho anh L anh Sơn A và chị T Trong quá trình giải quyết vụ án anh L anh Sơn A và chị T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả khoản tiền này do đó Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

4.4. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, bên trong tích hợp 01 Esim thu giữ của Trần Thị Y là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

4.5. Đối với số tiền 5.210.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của Trần Thị Y, quá trình điều tra xác định khoản tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[6] Án phí hình sự: bị cáo bị tuyên là có tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 65; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Thị Y phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án 26/12/2023.

Giao bị cáo Trần Thị Y cho uỷ ban nhân dân xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Phạt bổ sung 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

3.1 Truy thu số tiền 92.000.000 (Chín mươi hai triệu) đồng và số tiền lãi thu lời bất chính 12.280.547 đồng (Mười hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bẩy đồng). Tổng hai khoản là 104.280.547 đồng (Một trăm linh tư triệu, hai trăm tám mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bẩy đồng) của bị cáo Trần Thị Y để sung ngân sách Nhà nước.

3.2 Truy thu số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) của anh Phạm Sơn A để sung ngân sách Nhà nước.

3.3 Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, có số IMEI1: 35901536765583, IMEl 2: 359015636832391 bên trong tích hợp 01 E sim số 0972.699.313

3.4. Trả lại số tiền 5.210.000 đồng (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng)

tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho Trần Thị Y, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2023 và uỷ nhiệm chi ngày 07/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp và Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo Trần Thị Y phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Phan Ngọc Hà

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình(1)*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình(1)*
- *VKSND thành phố Tam Điệp (1)*
- *Công an thành phố Tam Điệp(1)*
- *Phòng HSNV Công an tỉnh NB(1)*
- *Chi cục THA thành phố Tam Điệp (1)*
- *UBND xã Quang Sơn, TP Tam Điệp (1)*
- *Bị cáo;người có QL, NV LQ đến vụ án.*